

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Thị Chúc.

Ông Trương Thoại Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Trường H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Đ có đơn xin vắng mặt; Anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và Anh H tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 28-6-2016. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh

nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, đến tháng 11-2020 Chị Đ về nhà cha, mẹ ruột tại ấp Phú Thành, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang sống, từ đó anh, chị không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị Đ nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với Anh H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Chị Đ, anh H có hai con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 01-02-2012 và Lê Minh Q (giới tính: Nam), sinh ngày 25-11-2014. Hai con chung đang sống cùng với Chị Đ. Sau khi ly hôn Chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Theo Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17-5-2021, bị đơn anh Lê Trường H trình bày:

Anh H thống nhất với Chị Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, Chị Đ yêu cầu ly hôn thì Anh H đồng ý. Về con chung Anh H thống nhất với Chị Đ, sau khi ly hôn hai con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 01-02-2012 và Lê Minh Q (giới tính: Nam), sinh ngày 25-11-2014 do Chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản xác minh ngày 26 tháng 5 năm 2021, mâu thuẫn gia đình giữa Chị Đ, anh H như sau:

Tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn Chị Đ, anh H thì địa phương không biết vì khi phát sinh mâu thuẫn thì anh, chị không trình báo.

- Tại Tờ nguyện vọng ngày 07 tháng 6 năm 2021, nguyện vọng của cháu Lê Minh Kh như sau:

Cháu Kh có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Kh sống ổn định cùng mẹ từ năm 2014 cho đến nay.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đ, cụ thể: Chị Đ được ly hôn với Anh H; Giao hai con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 01-02-2012 và Lê Minh Q (giới tính: Nam), sinh ngày 25-11-2014 cho Chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Chị Đ không yêu cầu Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lê Trường H. Anh H cư trú tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Đ và Anh H vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt Chị Đ, anh H theo quy định tại điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Đ, anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị Đ có đơn xin vắng mặt, Anh H thì vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ, anh H tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 87, ngày 28-6-2016. Tại thời điểm kết hôn thì Chị Đ, anh H đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị Được pháp luật công nhận.

[4] Chị Đ yêu cầu được ly hôn với Anh H, Anh H đồng ý ly hôn với Chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Đ và Anh H đã thuận tình ly hôn với nhau, sự thuận tình ly hôn này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Đ, anh H.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 44/2013, quyền số: 1/2013, đăng ký ngày 06-02-2013 và Giấy khai sinh số: 223/2016, đăng ký ngày 08-7-2016 của Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Đ, anh H có hai con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 01-02-2012 và Lê Minh Q (giới tính: Nam), sinh ngày 25-11-2014. Chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Anh H đồng ý giao hai con chung cho Chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Như vậy, Chị Đ, anh H đã thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu về con chung của Chị Đ, giao hai con chung cho Chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*” và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Theo quy định này thì Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với Chị Đ. Đồng thời, Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Theo quy định này thì Anh H là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do Chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ, anh H thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Lê Trường H.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 01-02-2012 và Lê Minh Q (giới tính: Nam), sinh ngày 25-11-2014 cho chị Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lê Trường H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0008635, ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Ngọc Đ đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tâm, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt